

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH KIÊN GIANG
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT
MST: 1700110137

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 02 /BC-XS

Kiên Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2015

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (Mô hình quản lý của Công ty là Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc)

BIỂU SỐ 1

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

TT	Ho và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm m nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
I. Chủ tịch công ty	Võ Văn Tuấn	1959	Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc			Cử nhân kinh tế		Giám đốc	
II. Phó TGD									
01	Nguyễn Ngọc Hòa	1969	Phó Tổng Giám đốc			Cử nhân kinh tế		Kế toán trưởng	
02	Lâm Thành Được	1963	Phó Tổng Giám đốc			Cử nhân kinh tế		Giám đốc Xí nghiệp	
03	Trần Thiện Tâm	1959	Phó Tổng Giám đốc			Cử nhân kinh tế		Trưởng phòng	
III. Kế toán trưởng	Trần Đỗ Thị Mỹ Linh	1973	Kế toán trưởng			Cử nhân kinh tế		Phó phòng Kế toán	



2. Kiểm soát viên: Ngô Thiện Tài.

3. Thù lao và lợi ích của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương	Tiền lương
01	Võ Văn Tuấn	Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc	7,30	486.000.000
02	Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	5,98	414.000.000
03	Lâm Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	5,98	414.000.000
04	Trần Thiện Tâm	Phó Tổng Giám đốc	5,98	414.000.000
05	Ngô Thiện Tài	Kiểm soát viên	5,98	414.000.000
06	Trần Đỗ Thị Mỹ Linh	Kế toán trưởng	5,65	378.000.000

4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

- Liệt kê các nguyên tắc về đạo đức của doanh nghiệp (nếu có).

- Liệt kê các chính sách khác của doanh nghiệp để bảo đảm đạo đức và trách nhiệm của đội ngũ quản lý (nếu có).

5. Về quản lý rủi ro

Hướng dẫn về quản trị rủi ro của doanh nghiệp (mô tả tóm tắt nếu có).

II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

BIỂU SỐ 2

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)

III. Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và đánh giá hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (Các quyết định, nghị quyết lớn của Hội đồng

quản trị, Ban Giám đốc trong kỳ như các Quyết định, Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm tài sản, ... Nếu số văn bản và tóm tắt nội dung văn bản).

BIỂU SỐ 3

THÔNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

(Chỉ thống kê các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
	Ông (Bà)					

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc

3. Các Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

BIỂU SỐ 4

THÔNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

(Chỉ nêu tóm tắt các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung

III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên:

BIỂU SỐ 5

THÔNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN

(Chỉ nêu tóm tắt các báo cáo quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.



2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BIỂU SỐ 6

THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Chỉ nêu tóm tắt các giao dịch quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

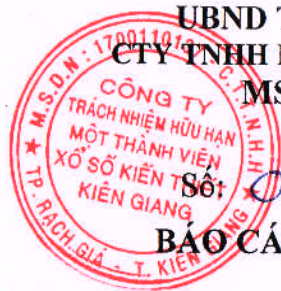
TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)

Giải thích:

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(4): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..



UBND TỈNH KIÊN GIANG
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIÊN THIẾT
MST: 1700110137

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /BC-XS

Kiên Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2016

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**
Năm báo cáo: Năm 2015.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước
 - a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:
 - Năm 2012: tổng doanh thu thực hiện vượt 8%, lợi nhuận trước thuế vượt 10% và nộp ngân sách vượt 4% so với kế hoạch năm.
 - Năm 2013: tổng doanh thu thực hiện vượt 6%, lợi nhuận trước thuế vượt 3% và nộp ngân sách vượt 1% so với kế hoạch năm.
 - Năm 2014: tổng doanh thu thực hiện vượt 2%, lợi nhuận trước thuế vượt 9% và nộp ngân sách vượt 13% so với kế hoạch năm.
 - b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp.
 - c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).
 - d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
 - đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP

T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)						
b)						
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.586	2.896	3.140	3.456
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	311	335	390	435

4	Nợ ngân sách	Tỷ đồng	623	727	903	1.053
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn vay	“				
c)	- Vốn khác	“				
8	Tổng lao động	Người	272	265	236	240
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	43	47	47,4	53
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	6,1	3,9	2,5	2,5
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	36,9	43,1	44,9	50,5

* Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con: không có